

Bản án số: 59/2020/DS-PT

Ngày 28/4/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 và 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo, bị kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Kim H, Sinh năm 1958; Địa chỉ: x ấp L1, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim H là ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Khóm B, TT L3, huyện L3, tỉnh Đồng Tháp. Theo giấy ủy quyền ngày 17/02/2020.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị V, Sinh năm: 1969; Địa chỉ: x ấp L4, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V là ông Phan Văn N - Sinh năm: 1967. Địa chỉ: x ấp L4, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Theo giấy ủy quyền ngày 15/03/2019.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phạm Thị Thanh H1 (Hai R), sinh năm: 1959; Địa chỉ: x ấp L1, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Kim H.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

(Các đương sự ông T, ông N, bà H1 có mặt tại phiên tòa, ông N vắng mặt tại phần tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2018 bà Nguyễn Kim H có cho bà Nguyễn Thị V vay tổng cộng 02 lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 22/04/2018 bà V vay của bà H số tiền là 170.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà V tự viết và ký tên, có bà Phạm Thị Thanh H1 (Hai R) là người đi cùng bà V đến nhà bà H, vay không lãi suất, không có thế chấp tài sản, thời hạn theo thỏa thuận miệng đầu năm 2019 trả, mục đích bà V vay tiền để làm gì thì bà H không biết. Số tiền 170.000.000 đồng là bà H trực tiếp giao tiền cho bà V nhận.

+ Lần thứ hai: Buổi chiều cùng ngày 22/04/2018 bà V và bà H1 (Hai R) cùng đến nhà bà H để vay thêm tiền. Bà V có viết Biên nhận (phần nội dung trong Biên nhận có ghi ngày 22/7/2018) nhưng thực tế là bà V vay ngày 22/4/2018, vay số tiền 25.000.000 đồng, hình thức vay là góp bạc ngày (góp 21 ngày, mỗi ngày là 1.250.000 đồng), có làm biên nhận do bà V tự viết và ký tên, có bà H1 (Hai R) làm chứng, vay không thế chấp tài sản, mục đích bà V vay tiền làm gì bà H không biết, bà H là người trực tiếp giao tiền cho bà V nhận. Từ khi vay tiền đến nay bà V không có trả cho bà H khoản tiền nào. Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Nguyễn Thị V trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền vốn vay là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu), lãi không yêu cầu. Bà Nguyễn Kim H không yêu cầu ai khác cùng bà V trả số tiền trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn N trình bày: Bà Nguyễn Thị V thừa nhận, biên nhận ngày 22/4/2018 có ghi số tiền 170.000.000 đồng là do bà V viết và ký tên, nội dung biên nhận là do bà H1 (Hai R) đọc cho bà V viết, sau khi viết biên nhận thì bà V đưa cho bà H1 (Hai R) giữ, bà V không có trực tiếp nhận tiền của bà H mà giao cho bà H1 (Hai R) nhận tiền nên trong biên nhận bà V có ghi rõ là “Tôi tên Nguyễn Thị V có nhờ chị hai R mượn của chị H số tiền 170.000.000đ”. Từ khi viết biên nhận thì bà H1 (Hai R) không có giao tiền cho bà V, còn việc bà H1 (Hai R) có đem biên nhận của bà V lại vay tiền của bà H không thì bà V không biết, hiện nay biên nhận 170.000.000 đồng bà H1 (Hai R) vẫn còn giữ không có giao lại cho bà V.

Bà V cũng thừa nhận cùng ngày 22/4/2018 bà V viết thêm biên nhận vay của bà H số tiền 25.000.000 đồng, biên nhận là do bà V viết và ký tên, nội dung biên nhận là do bà H1 (Hai R) đọc cho bà V viết, khi viết biên nhận này có bà H và bà H1 (Hai R) chứng kiến. Cả hai biên nhận này là bà V viết tại nhà của của bà H1 (Hai R), sau khi viết biên nhận bà V đưa cho bà H1 (Hai R) giữ, bà V không có nhận khoản tiền nào của bà H hay bà H1 (Hai R) giao.

Lý do bà V viết biên nhận vay tiền của bà H, nhưng không nhận tiền mà đưa biên nhận cho bà H1 (Hai R) giữ, vì trước đây bà Nguyễn Thị V có nợ bà Phạm Thị Thanh H1 (Hai R) có số tiền 30.000.000 đồng và có thế chấp Giấy

chứng nhận QSD đất của bà V giao cho bà H1 (Hai R) giữ, bà V xác nhận số tiền 30.000.000 đồng không liên quan gì đến số tiền 195.000.000 đồng bà H khởi kiện bà V, hiện tại bà V đã nhận lại Giấy chứng nhận QSD đất trước đây đã thế chấp cho bà H1 (Hai R). Do bà V nợ tiền của bà H1 (Hai R), nên bà V mới viết biên nhận mượn tiền của bà H đưa cho bà H1 (Hai R) giữ. Bà V không có nhận bất cứ khoản tiền nào của bà H nên không đồng ý trả số tiền 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), ngoài ra không trình bày.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H1 (Hai R) trình bày:* Giữa bà H1 (Hai R) và bà V trước đây có quen biết với nhau nên khi bà V nói cần tiền làm ăn nên bà H1 có dẫn bà V đến nhà bà H để vay tiền. Bà H1 có thấy việc bà H giao tiền cho bà V nhận, còn giao bao nhiêu tiền, loại tiền gì thì bà H1 không thấy rõ, bà V có viết biên nhận giao cho bà H giữ. Nội dung biên nhận bà V viết như thế nào bà H1 không biết. Trước đây bà Nguyễn Thị V có nợ bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng bà V nợ của bà H1 không liên quan gì đến số tiền 195.000.000 đồng mà bà V vay của bà H, bà H1 cũng không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H.
2. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền vốn 25.000.000 đồng.
3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim H về việc bà Nguyễn Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả số tiền 170.000.000 đồng.
4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người bị yêu cầu thi hành án chưa thi hành án xong số tiền 25.000.000 đồng thì hàng tháng người bị yêu cầu thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi trả xong.
5. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:
 - 5.1 Bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng.
 - 5.2 Bà Nguyễn Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.875.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai số 0002693, ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 3.625.000 đồng.

- Ngày 29/11/2019 bà H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Ngày 29/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông T đại diện bà H phát biểu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông N đại diện cho bà V phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật. Ông N có mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại phần tuyên án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phần tuyên án theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng bà V có vay của bà H 170.000.000đ nên buộc bà V trả lại cho bà H 170.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vốn là 195.000.000 đồng, bà H cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận ngày 22/4/2018 có chữ ký tên và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị V.

- Đối với biên nhận 25.000.000đ không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

- Đối với Biên nhận số tiền 170.000.000 đồng có ghi nội dung “*Tôi tên Nguyễn Thị V có nhờ chị Hai R mượn của chị H số tiền 170.000.000đ*”, bà V thừa nhận có viết biên nhận, ký tên, ghi họ tên.

+ Bên bà H trình bày là ghi chị Hai R vào biên nhận là do bà Hai R giới thiệu bà V vay tiền của bà H.

+ Bên bà V trình bày là bà V viết biên nhận mượn tiền của bà H tại nhà con bà H1 (Hai R) nhưng không có vay tiền của bà H mà viết chỉ đưa biên nhận cho bà H1 giữ nhằm trừ tiền nợ giữa bà V với bà H1. Bà V không có trực tiếp đến gặp bà H mượn tiền và không có nhận tiền, còn việc bà H1 có dùng biên nhận này để vay tiền của bà H hay không thì bà V không biết. Bà H và bà V không quen biết nhau, điều này cũng được bà H thừa nhận, đồng thời bà H trình bày không biết bà V vay tiền nhằm mục đích gì và bà V cũng không có thể chấp bất cứ tài sản gì, không thể hiện lãi suất, không có thời hạn trả nợ, là những nội dung cơ bản của hợp đồng vay tài sản nhưng không thể hiện rõ trong biên nhận, đồng thời bà H khai không biết bà V vay tiền để làm gì. Từ

đó cho thấy lời trình bày của bà V là hợp lý. Cho nên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Do đó, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của của bà Nguyễn Kim H.

- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền vốn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim H về việc bà Nguyễn Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người bị yêu cầu thi hành án chưa thi hành án xong số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) thì hàng tháng người bị yêu cầu thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi trả xong.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Kim H được miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm nên bà H được nhận lại tiền tạm nộp án phí 4.875.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002693 ngày

22/01/2019 và nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001901 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Ngọc Thông